

Bản án số: 147/2024/KDTM-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2024/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH X; Trụ sở: Tòa nhà FOURTUNE: Số G Sông Đ, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lại Thị Phương T theo giấy ủy quyền số 02/GUQ/2023-CT ngày 05/04/2023.

Bị đơn: Công ty TNHH T2; Trụ sở: Số B đường T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sỹ T1 – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Số B đường T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH X do bà Lại Thị Phương T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty TNHH X (sau đây gọi là Công ty X) có thực hiện giao dịch bán mua bán tấm xi măng sợi Xenlulô Uco cho công ty TNHH T2 (sau đây gọi là Công ty T2) theo Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số: FT/TT/01/HĐNT-04/2022 ngày 18/4/2022 và phụ lục số 01 ngày 25/4/2022 giữa Công ty X và Công ty T2 với hai đơn hàng, cụ thể:

* Ngày 04/5/2022 Công ty X giao hàng cho Công ty T2 9.000 tấm Uco kích thước 3.2cm x 603 cm x 1210cm. Trong đó:

- 8.504 tấm Uco kích thước 3.2cm x 603 cm x 1210cm với đơn giá 23.518,34 đồng/ tấm, giá trị đơn hàng: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng, đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng (VAT)).

- 496 tấm Uco kích thước 3.2cm x 603 cm x 1210cm với đơn giá 23.548,38 đồng/ tấm, giá trị đơn hàng: 11.680.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng, đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng (VAT)).

- Với đơn hàng 9.000 tấm U, Công ty T2 thuê xe lấy hàng tại kho Công ty X (do tài xế Đặng Văn Đ ký nhận, biển số xe 51C- 41385 - đính kèm Biên bản giao hàng ngày 04/5/2022).

* Ngày 18/5/2022 Công ty X giao hàng cho Công ty T2 7.100 tấm Uco kích thước 3.2cm x 603 cm x 1210cm với đơn giá 23.520 đồng/tấm, giá trị đơn hàng: 166.992.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng) đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng (VAT).

Công ty T2 thuê xe lấy hàng tại kho Công ty X (do tài xế Phạm Văn H ký nhận, biển số xe 51D-41428- đính kèm biên bản giao hàng ngày 18/5/2022).

Tổng tiền hàng của 02 ngày trên là 378.672.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng) đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng (VAT).

Công ty X có xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) cho Công ty T2 như sau:

- Ngày 12/5/2022 Công ty X xuất hóa đơn Giá trị gia tăng (VAT) số hóa đơn 396 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Ngày 13/5/2022 Công ty X xuất hóa đơn Giá trị gia tăng (VAT) số hóa đơn 436 số tiền 11.680.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng)

- Ngày 03/6/2022 Công ty X xuất hóa đơn Giá trị gia tăng (VAT) số hóa đơn 676 số tiền 166.992.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng).

* Công ty T2 có thanh toán các đợt:

- Ngày 17/5/2022 Công ty T2 thanh toán cho công ty X 11.680.000 đồng (thanh toán bằng tiền mặt, đính kèm bản chính phiếu thu ngày 17/5/2022).

- Ngày 17/5/2022 Công ty T2 thanh toán cho công ty X 141.120.000 đồng (thanh toán qua tài khoản Công ty X, đính kèm bản chính chứng từ của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T3, số chứng từ: 170522.5017.041857 ngày 17/5/2022).

- Ngày 20/5/2022 Công ty T2 thanh toán cho công ty X 33.000.000 đồng (thanh toán qua tài khoản Công ty X, đính kèm bản chính chứng từ của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T3, số chứng từ: 200522.5017.066487 ngày 17/5/2022).

Sau đó, qua nhiều lần liên hệ và làm việc, phía Công ty T2 không thanh toán hết công nợ còn thiếu nên Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty T2 thanh toán ngay một lần cho Công ty X số tiền 192.872.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (thuế VAT). Ngoài ra, theo thỏa thuận Điều 4 Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số: FT/TT/01/HĐNT-04/2022 giữa Công ty T2 và Công ty X nêu chậm thanh toán theo mức lãi 0.055%/ngày. Tuy nhiên, Công ty X áp dụng theo lãi suất 0,0228%/ngày, lãi được tính theo từng giai đoạn trên số tiền gốc còn thiếu, tạm tính từ ngày 17/5/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là Công ty TNHH T2 có ông Nguyễn Sỹ T1 là đại diện theo pháp luật vắng mặt trong quá trình tố tụng nhưng có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 28/8/2023 và ngày 30/11/2023: Công ty T2 và Công ty X có ký hợp đồng nguyên tắc bán hàng với nhau. Công ty T2 xác nhận còn nợ Công ty X số tiền 40.000.000 đồng nhưng

không đồng ý thanh toán do Công ty X không cung cấp đủ số hàng nên ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh dẫn đến việc Công ty T2 đóng cửa hàng từ năm 2022.

Do bị đơn vắng mặt tại Tòa nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên những lời trình bày trước đây cũng như yêu cầu khởi kiện. Công ty T2 cho rằng chỉ còn thiếu tiền hàng của Công ty X là 40.000.000 đồng. Chúng tôi không đồng ý lời trình bày của Công ty T2 vì không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh trong khi Công ty X đã cung cấp biên bản giao nhận hàng đủ số lượng theo hợp đồng đã ký có Công ty T2 ký xác nhận, chúng tôi cũng xuất hóa đơn trên số hàng đã giao và Công ty T2 cũng đã thanh toán một phần cho đơn hàng đã giao. Công ty T2 không có văn bản khiếu nại gì về việc Công ty X giao hàng thiếu mà liên tục yêu cầu Công ty chúng tôi giao hàng mới nhưng chúng tôi không đồng ý bán tiếp vì chưa thanh toán công nợ cũ. Sau nhiều lần làm việc nhưng Công ty T2 vẫn không thanh toán công nợ nên Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty T2 thanh toán ngay một lần số tiền gốc là 192.872.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất $\approx 0,0228\%/ngày$ (V 10,5%/năm, A là 8,5%/năm và V1 là 6%/năm = $25\%/3 \approx 8,33\%/năm$), tạm tính từ ngày 17/05/2022 đến ngày 28/6/2024, cụ thể số tiền gốc và lãi Công ty T2 phải trả cho Công ty X là:

Ngày giao hàng	Ngày tính lãi	Nợ (vnd)	Thanh toán (vnd)	Dư nợ (vnd)	Số ngày tính lãi	Tiền lãi (vnd)
04/05/2022	17/05/2022	211.680.000	11.680.000	200.000.000		
	17/05/2022		141.120.000	58.880.000		
17/05/2022	20/05/2022		33.000.000	25.880.000	3	17.702
21/05/2022	30/05/2022			25.880.000	9	53.106
31/05/2022	28/6/2024	166.992.000		192.872.000	759	33.376.885
Tổng lãi					771	33.447.693
Còn lại				192.872.000		
Tổng cộng						226.319.693

Bị đơn: Vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” tranh chấp phát sinh trong hoạt động

kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa tuy nhiên tại mục 10.1.4, Điều 10 của Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số: FT/TT/01/HĐNT-04/2022 ngày 18/4/2022 và phụ lục số 01 ngày 25/4/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nếu xảy ra tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là nơi nguyên đơn có trụ sở chính. Do nguyên đơn có trụ sở tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Phía bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và dành quyền kháng cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền mua bán hóa còn thiếu là 192.872.000 đồng một lần ngày khi án có hiệu lực pháp luật, thấy: Hợp đồng nguyên tắc bán hàng số FT/TT/01/HĐNT-04/2022 ký ngày 18/4/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn dựa trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, hai bên thực hiện giao dịch mua bán với nhau theo hình thức ký các phụ lục hợp đồng hoặc đơn đặt hàng theo từng đơn hàng cụ thể. Theo biên bản giao hàng ngày 04/5/2022 và ngày 18/5/2022, bị đơn ký nhận 9000 tấm Uco 3.2 x 603 x 1210 và cũng ký nhận 7100 tấm Uco cùng loại. Dựa trên việc ký nhận đủ hàng, nguyên đơn đã xuất hóa đơn VAT số 396 ngày 12/5/2022 với số lượng 8.504 tấm, số tiền phải thanh toán 200.000.000 đồng, hóa đơn số 436 ngày 13/5/2022 với số lượng 496 tấm, số tiền phải thanh toán 11.680.000 đồng và hóa đơn 676 ngày 03/6/2022 với số lượng 7100 tấm, số tiền phải thanh toán 166.992.000 đồng. Như vậy, nguyên đơn đã cung cấp đủ hàng và xuất hóa đơn trên số hàng đã giao với tổng số tiền bị đơn phải thanh toán là 378.672.000 đồng. Thông qua phiếu thu tiền mặt số tiền 11.680.000 có xác nhận của Công ty T2 và giấy báo có ngày 20/5/2022 số tiền 33.000.000 đồng và ngày 17/5/2022 số tiền 141.120.000 đồng cùng tại Ngân hàng TMCP N thể hiện bị đơn đã thanh toán số tiền 185.800.000 đồng, như vậy còn nợ lại nguyên đơn 192.872.000 đồng. Bị đơn xác nhận giữa 2 bên có ký hợp đồng nguyên tắc bán hàng và còn nợ lại nguyên đơn 40.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả vì nguyên đơn không cung cấp đủ hàng theo thỏa thuận nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này và cũng không có yêu cầu gì khác. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 50 Luật Thương mại nên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán ngay một lần số tiền gốc còn thiếu. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn phát sinh là 33.447.693 đồng, thấy:

- Về thời gian tính lãi: Tại Điều 3 của hợp đồng trên có thỏa thuận: “ Bên B có nghĩa vụ thanh toán công nợ mua hàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bên A giao hàng....”.

Đối với đơn hàng giao ngày 04/5/2022, số tiền phải thanh toán là 211.680.000 đồng thì thời hạn thanh toán là 14/5/2022, do ngày 17/5/2022 bị đơn thanh toán số tiền 11.680.000 đồng và 141.120.000 đồng, đến ngày 20/5/2022 bị đơn thanh toán tiếp số tiền 33.000.000 đồng nên nguyên đơn tính lãi từ ngày 17/5/2022 và tính theo từng

giai đoạn trên số tiền gốc còn thiếu là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Đối với đơn hàng giao ngày 18/5/2022, số tiền phải thanh toán là 166.992.000 đồng, ngày tính lãi là 28/5/2022 nhưng nguyên đơn tính lãi từ ngày 31/5/2022 là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

- Về lãi suất: Tại mục 4.2.2 của hợp đồng nêu trên có quy định nếu công nợ vượt quá thời hạn thanh toán thì sẽ áp dụng mức lãi 0,05%/ngày nhưng phía nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi phạt 0,0228%/ngày. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, lãi suất chậm trả được xác định là mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu nên lãi suất áp dụng sẽ là trung hạn. Căn cứ theo biểu lãi suất cho vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng là tổ chức/doanh nghiệp của các Ngân hàng thể hiện: Ngân hàng N1 (A) là 6,5%/năm; Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (V2) là 6,3 – 8,5%/năm và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (V) là 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng trên là: $(6,5\% + 6,3\% + 10,5\%)/3 \times 150\% \approx 11,65\%/năm \approx 0,03\%/ngày$

Như vậy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải trả như sau:

Công nợ (đồng)	Ngày thanh toán	Số tiền đã thanh toán (đồng)	Dư nợ (đồng)	Thời gian tính lãi (từ ngày đến ngày)	Lãi suất % (ngày)	Số ngày tính lãi	Số tiền lãi phải trả (đồng)
211.680.000	17/5/2022	11.680.000	200.000.000				
	17/5/2022	141.120.000	58.880.000	17/5/2022 19/5/2022	0,0228		26.849
	20/5/2022	33.000.000	25.880.000	20/5/2022 30/5/2022	0,0228	0	59.006
166.992.000			192.872.000	31/5/2022 28/6/2024	0,0228	59	33.376.885
Tổng							33.462.741

Đối chiếu với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24, 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH X.

1.1/ Công ty TNHH T2 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty TNHH X số tiền là 226.319.693 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm mười chín ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng) bao gồm tiền gốc là 192.872.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng) và tiền nợ lãi do chậm thanh toán là 33.447.693 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng).

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2/ Công ty TNHH T2 tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH X tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH T2 phải chịu án phí 11.315.985 đồng (Mười một triệu ba trăm mười lăm ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng).

- Công ty TNHH X được nhận lại số tiền 5.661.893 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn tám trăm chín mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0009132 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo

